

Bản án số: 59/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 17 - 4 - 2024

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Quốc Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 71/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm: 1975 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R – sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại phiên họp ngày 13 tháng 03 năm 2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn R chung sống với nhau từ năm 2001, đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2018 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay bà xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn R.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà có 02 người con chung tên Nguyễn Bạch Đ, sinh ngày 24/8/2002 và Nguyễn Kim C, sinh ngày 07/11/2017. Đối với cháu Nguyễn Bạch Đ đã trưởng thành có sức khỏe bình thường tự lao động nuôi sống bản thân được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Kim C hiện nay đang sống với bà khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không yêu cầu ông R cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định vợ chồng bà không nợ ai, không ai nợ vợ chồng bà nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn R kể từ khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập để xét xử nhưng ông Nguyễn Văn R vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn ông Nguyễn Văn R đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông R vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H, ông R theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn R là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Văn R có địa chỉ tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về Hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn R đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2018 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân

hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn R do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi với nhau, vợ chồng đã không còn tiếng nói chung, gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Đối với yêu cầu này của bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án ông R không có ý kiến bằng văn bản hay tự mình đến Tòa án thể hiện ý kiến của ông về yêu cầu ly hôn của bà H. Nhận thấy ông R không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa bà H và ông R đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông R. Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn R là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà có 02 người con chung tên Nguyễn Bạch Đ, sinh ngày 24/8/2002 và Nguyễn Kim C, sinh ngày 07/11/2017. Đối với cháu Nguyễn Bạch Đ đã trưởng thành có sức khỏe bình thường tự lao động nuôi sống bản thân được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp. Đối với cháu Nguyễn Kim C hiện nay đang sống với bà H khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không yêu cầu ông R cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng đối với cháu Nguyễn Kim C, sinh ngày 07/11/2017 là con gái từ nhỏ đến nay cháu sống chung với bà H có sức khỏe bình thường, phát triển ổn định, đối với lứa tuổi của cháu Kim C cần thiết có mẹ ở cạnh chăm sóc, giáo dục, yêu thương. Ông R từ trước đến nay không có ý kiến gì về việc nuôi con nên yêu cầu của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Kim C, sinh ngày 07/11/2017 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị H không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị H xác định tài sản chung vợ chồng bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng bà không nợ ai và không ai nợ vợ chồng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn R vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, ông R không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[4] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

[5] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:**

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn R.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim C, sinh ngày 07/11/2017 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn R không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn R không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012838 ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn R vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Tân Hưng Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Ngân**

